**PHỐ CẢNG THANH HÀ – BAO VINH: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, SỰ ĐỐI SÁNH VỚI PHỐ CỔ HỘI AN VÀ MỘT VÀI GỢI MỞ CHO CÔNG TÁC BẢO TỒN**

Hoàng Thị Anh Đào[[1]](#footnote-1)

 *Phố cổ Thanh Hà – Bao Vinh là địa danh gắn với sự phát triển của thương nghiệp của Xứ Đàng Trong vào thế kỷ XVII – XIX, đây là địa chỉ thu hút các thương nhân châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản và các thương nhân phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp… Đây được xem là “phố” vệ tinh cho thủ phủ của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Việc tìm hiểu lịch sử hình thành để nhận diện vai trò của phố này trong quá khứ, đối sánh với phố cổ Hội An nhằm gợi mở những giải pháp bảo tồn các khu phố cố của Huế trong giai đoạn hiện nay là điều rất cần thiết.*

**1. Lịch sử hình thành của phố cảng Thanh Hà – Bao Vinh trong sự đối sánh với Hội An từ chính sách ngoại thương của chúa Nguyễn ở Đàng Trong**

Dưới thời chúa Nguyễn, vùng Thuận Quảng nhiều năm được mùa, nhà nhà no ấm, cảnh sắc thanh bình, thịnh trị đã thể hiện sức sống mãnh liệt và khả năng tranh thủ sinh tồn của người dân Việt trên con đường Nam tiến bất chấp ác địa, chướng khí, bất chấp những thách thức lớn lao, những gian nguy hiểm họa của thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt qua mối bước đi trên vùng lãnh thổ mới mẻ, lạ lùng[[2]](#footnote-2).

Có được những thành quả đó là do chính sách của chúa Nguyễn trong việc thu hút nhân dân và thực hiện chính sách ngoại thương cởi mở. Đối với chính sách kinh tế xã hội thì chúa Nguyễn phát triển phong phú về vật chất, thu hút nhân lực, tài lực cần thiết cho sự hưng nghiệp, sự cải tiến vũ khí nhờ kỹ thuật phương Tây. Đối với chính sách ngoại thương, chúa Nguyễn ưu tiên cho người bản xứ đến Đàng Trong. Khác với sự nghiêm ngặt của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn đã thi hành chính sách cởi mở hơn, tạo điều kiện cho thương nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn đã có chính sách bảo hộ, khuyến khích thương khách nước ngoài, nhất là người Trung Hoa.

Ngoài ra, chúa Nguyễn chủ trương giao thiệp rộng rãi với các nước ngoài bằng cách gả công chúa cho vua các nước láng giềng. Và thường xuyên liên lạc thư từ Quốc vương Nhật, thường xuyên buôn bán, trao tặng vật, trầm hương, kỳ nam, rượu, mật ong, đoạn màu, công…Về mậu dịch, ngoài việc phát triển ngoại thương với người Trung Hoa và Nhật Bản, chính quyền họ Nguyễn còn mở rộng giao thiệp với người Bồ và người Hà Lan.

Nhờ chính sách cởi mở trong giao thương mà nhiều phố cảng đã phát triển thịnh đạt ở Đàng Trong, trong đó có Thanh Hà – Bao Vinh và Hội An.

*Phố cảng Thanh Hà* ra đời từ một làng quê, nhưng với vị thế trên bến, dưới thuyền thuận lợi, cư dân có truyền thống buôn bán, ở Thanh Hà vốn đã xuất hiện một chợ làng, nơi hội tụ hàng hoá của cư dân các vùng lân cận. Sự lớn lên của khu thương mại Thanh Hà đồng thời với sự phát triển kinh tế hàng hoá và chế độ cát cứ ở Đàng Trong. Đón được luồng thương mại thế giới, đặc biệt là luồng thương mại Nội Á (Inter- Asia) nhất là các thương gia người Hoa, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp… nên phố cảng Thanh Hà được phát triển thịnh đạt. Ban đầu, Thanh Hà chỉ là hai dãy phố lợp tranh đơn sơ nằm phía tây con đường làng Minh Thanh, hướng chính quay mặt ra bờ sông. Sau khi chiếm được bãi đất bồi, Hoa thương dựng lên một dãy nhà đối diện quay ra bờ sông, lấy con đường của làng Thanh Hà làm đường phố chính. Năm 1700, Hoa thương mới xây dựng phố bằng gạch và lợp ngói để tránh hoả hoạn. Phố bao gồm những cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê dành cho thương khách ở xa (thương nhân Trung Quốc thường xuyên, còn thương nhân phương Tây thường ở lại trong mùa áp đông – mùa gió mùa từ tháng 10 cho đến tháng 3 năm sau). Phố cảng Thanh Hà xây dựng theo lối đơn tuyến trên một trục giao thông sẵn có làm đường phố chính. Hay dãy phố đối diện dần dần được hình thành, phía sau là đồng ruộng, trước mặt là bến cảng của sông Hương.

Vị trí trên bến dưới thuyền thuận lợi, cư dân vốn có truyền thống buôn bán nên từ thuở mới lập làng, Thanh Hà đã là nơi hội tụ của một chợ làng góp mặt cư dân của nhiều xã lân cận đến để trao đổi hàng hóa. Sự lớn lên của thương nghiệp Thanh Hà đồng thời với sự phát triển của chế độ Đàng Trong. Nhờ sự tiếp xúc với thương nhân nước ngoài, Thanh Hà trở thành một thương cảng lớn nhất của đất kinh thành thu hút nhiều tàu buôn Trung Quốc, Nhật Bản và các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Hà Lan. Trong thời kỳ thịnh đạt, phố Thanh Hà chủ yếu nằm trong tay người Hoa nên được gọi là Đại Minh Khách phố. Về mặt hành chính, buổi đầu phố Thanh Hà thuộc Hội An, Quảng Nam nhưng sau này gọi là Minh Hương xã - Thanh Hà phố.

Do lập cư muộn nên lúc mới thành lập mất hẳn ưu thế của một cư dân sống trong vùng nông nghiệp. Lúc đầu cư dân sống chủ yếu bằng nghề buôn thúng bán mẹt, một ít làm nghề nông. Phố Thanh Hà phát triển trên cơ sở phồn thịnh của cảng và chợ Thanh Hà với tầng lớp cư dân làm nghề buôn bán. Càng về sau ngày càng nhiều người hoạt động trong nghề buôn bán, bởi lẽ nơi đây hội tụ đủ thương thuyền của các nước phát triển của phương Đông và phương Tây đến giao thương. Đây là thế mạnh, là mặt đóng góp tích cực của phố Thanh Hà phát triển trên cơ sở cảng sông thuận tiện đối với sự phát triển kinh tế hàng hóa của đất Đàng Trong.

Các thương thuyền phương Tây đến đây và mang nhiều mặt hàng đến bán như ngọc quý: “Ngọc hạt đính giống ngà voi, mà hơi vàng, hơi có điểm đỏ, tế nhị, sáng nhuần chế làm hộp sáp thơm và tràng hạt đeo có thể tránh được rắn rết. Thứ ấy do tàu Tây mang đến”[[3]](#footnote-3). Ngoài ra còn có ngọc hoàn chiếu do người Tây mang đến rồi đến các loại ngọc thủy soạn, ngọc hỏa hoạn, kim cương. Các loại vải dạ của Anh có vàng và các màu phù hợp với địa phương [[4]](#footnote-4).

Ngoài các tàu buôn của Nhật Bản, Trung Quốc thì các tàu buôn phương Tây cũng đến Thanh Hà để buôn bán, họ không dựng cửa hiệu nhưng việc buôn bán cũng rất sầm uất. Thanh Hà thế kỷ XVII, XVIII là một cảng thị thịnh vượng bên cạnh đô phủ Phú Xuân. Nó không chỉ đóng vai trò trực tiếp cho nhu cầu sinh hoạt của triều đình mà lượng hàng hóa bán mua cùng số thuế thu được còn đóng góp nguồn tài chính đáng kể cho chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong.

 *Phố cảng Bao Vinh* ra đời muộn hơn Thanh Hà và là địa bàn hội tụ doanh nhân trở thành khu thương mại lớn nhất của kinh kỳ và thế kỷ XIX. Bao vinh có những yếu tố thuận lợi như cận thị, cận giang, cận lộ, cận kinh và cận Thanh Hà nên đảm bảo cho sự chuyển dịch và phát triển doanh thương, trong đó ưu thế vẫn là cảng sâu thuận lợi cho tàu thuyền cập bến:

 “Bao Vinh cao bọc, hẵm bờ

 Ghe mành lui tới, mẹ nhờ duyên con”[[5]](#footnote-5).

 Hoa thương mua đất mặt tiền của làng và lập phố với hai dãy phố đối diện qua trục đường chính của khu phố mới. Trước mặt là sông Hương và bến cảng, sau là khu dân cư và làng đồng ruộng. Phố Bao Vinh được giới hạn từ chùa làng phía bắc đến đình làng phía nam. Hoa thương mua đất của các dòng họ. Phố Bao Vinh thể hiện được sức mạnh văn hoá của một làng Việt cổ truyền, tạo nên diện mạo đặc sắc trong cơ chế thị trường thành một bước chuyển căn bản trong tiến trình đô thị hoá của thời phong kiến.

*Còn đối với Hội An*, việc Bồ Đào Nha thiết lập hệ thống thương điếm trên toàn cõi châu Á nhằm tạo ra một mạng lưới thương mại hùng mạnh vào thế kỷ XVI đã tạo nền tảng rất lớn cho hoạt động buôn bán giữa phương Đông và phương Tây. Theo nhiều tài liệu thu thập được, cụ thể là theo Birdwood, người Bồ Đào Nha bắt đầu buôn bán với với Đàng Trong vào khoảng năm 1540, thương nhân Bồ Đào Nha từ Macao hoặc Nam Dương đến Hội An vào tháng chạp hoặc tháng giêng bán, mua hàng như tơ, lụa, hồ tiêu, gỗ quý, qua tay các đại lý Hoa kiều hay Nhật kiều ở Hội An rồi quay thuyền về các căn cứ trên (Macao, Nam Dương). Trong quá trình giao thương với nước ta, Bồ Đào Nha không tiến hành lập thương điếm. Tuy không để lại người buôn bán thường trực, nhưng họ rất muốn độc quyền buôn bán với nước ta. Trên thực tế, họ cố gắng lấy lòng Chúa Nguyễn, gửi tặng vật và luôn cạnh tranh với người Hà Lan, họ đề nghị chúa Nguyễn không nên buôn bán với người Hà Lan nhưng chúa Nguyễn vẫn thiết lập hoạt động thương mại với người Hà Lan[[6]](#footnote-6).

Năm 1584 đã có nhiều người Bồ Đào Nha sống ở Đàng Trong, việc buôn bán giữa người Bồ Đào Nha và Đàng Trong phụ thuộc vào quan hệ buôn bán giữa Macao và Nhật Bản. Về phía người Bồ, việc buôn bán với Đàng Trong trở nên quan trọng từ 1640, khi họ giảm bớt việc buôn bán với Nhật và hướng về Đông Nam Á. Về phía họ Nguyễn, việc buôn bán với họ Nguyễn chỉ có ý nghĩa thực sự khi xảy ra chiến tranh với họ Trịnh bởi vì đại bác là mặt hàng quan trọng nhất trong việc trao đổi với hai bên. Theo Boxer, các nhà cầm quyền họ Nguyễn rất lo lắng làm sao để có được súng từ xưởng đúc súng nổi tiếng của Bocarro ở Macao. Xưởng này hoạt động vào các năm từ 1627 đến 1680 và sản xuất ra các sản phẩm được nhìn nhận là loại súng đồng tốt nhất ở phương Đông[[7]](#footnote-7).

Hội An là trung tâm tập trung và phân phối hàng hóa, Hội An xuất khẩu một số sản phẩm của địa phương đứng đầu là kỳ nam hương và vàng. Kỳ nam hương là một thứ dầu quý và nó được miêu tả như sau: “kỳ nam hương màu đen, có dầu và giá 50 cruzados một catty nơi người Bồ Đào Nha trong khi tại chính nơi sản xuất, nó trị giá ngang với bạc, bao nhiêu kỳ nam hương là bấy nhiêu bạc”[[8]](#footnote-8). Các thương nhân Bồ Đào Nha không đến Việt Nam theo đại diện cho công ty nào và không đến cư ngụ, mở thương điếm mà họ chỉ thông qua các trung gian để gom hàng hóa hoặc giao dịch. Họ mua nhiều hàng hóa rẻ ở Việt Nam và bán ở các nước châu Âu.

Bên cạnh đó, biết chúa Nguyễn cần vũ khí để chống chúa Trịnh, họ mang đến súng ống, diêm tiêu, kẽm, đồng...có thợ kỹ thuật đi cùng để buôn bán với Đàng Trong. Người thợ Joao da Cruz đã dạy chúa Nguyễn kỹ thuật đúc súng. Vì vậy họ được các chúa Nguyễn nể trọng và ưu đãi. Dù được các chúa Nguyễn cho phép xây dựng những cơ sở kinh doanh ở Hội An như lập phố, xây kho nhưng người Bồ không thực hiện.

Với tư cách là những người phương Tây đầu tiên đến Việt Nam, người Bồ Đào Nha đã cậy có một nền hàng hải khỏe vào bậc nhất mà hung hăng đến chiếm đất để buôn bán[[9]](#footnote-9). Sau khi thành lập trung tâm buôn bán ở Hội An, người Bồ Đào Nha đã phát triển buôn bán với Đàng Ngoài. Và đến thế kỷ XVII, họ buôn bán ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài và lắm lúc họ lại đụng độ với người Hà Lan và sau này là Anh, Pháp. Người Bồ Đào Nha và người Hà Lan tiếp tục cạnh tranh và thường xuyên diễn ra xung đột nặng nề. Người Bồ Đào Nha luôn muốn độc quyền ở Đàng Trong, nhưng vào đầu thế kỷ XVII, người Bồ Đào Nha đã dần suy yếu trong lúc người Hà Lan thì ngày càng mạnh lên về kinh tế và tiềm lực hàng hải. Trong các cuộc giao tranh với người Hà Lan, người Bồ Đào Nha cũng được sự giúp đỡ của chúa Nguyễn về vũ khí, quân sự. Và khi chúa Nguyễn giao tranh với họ Trịnh ở Đàng Ngoài thì người Bồ cũng thường xuyên giúp đỡ. Nhưng về sau thì chúa Nguyễn cũng đã mở cửa cho người Hà Lan vào buôn bán bởi lẽ người Bồ Đào Nha đã suy yếu hơn trước và việc hợp tác với người Hà Lan có triển vọng mang những lợi ích cho chúa Nguyễn.

Hội An được đánh giá là một đô thị, thương cảng có vị trí giao thương thuận tiện giữa miền thượng du và đồng bằng Quảng Nam. Hội An rất gần với của biển Đại Chiêm và không xa dinh trấn Quảng Nam, thủ phủ thứ hai của Đàng Trong. Theo những ghi chép của giáo sĩ Christophoro Borri sống tại Hội An thì trong khu vực quản lý của chúa Nguyễn có đến khoảng 60 cảng. Hội An khi đó thuộc Quảng Nam, Christiphoro nhận xét rằng: “Đây là cảng đẹp nhất có nhiều sản vật quý hiếm mà tất cả những người ngoại quốc đều ghé thăm”. Về hoạt động ngoại thương, C.Borri cũng ghi lại: “Người Trung Quốc và người Nhật Bản là những người làm thương mại chính yếu ở xứ Đàng Trong tại một phiên chợ họp hằng năm ở một hải cảng và kéo dài chừng khoảng bốn tháng. Người Nhật chở trên thuyền của họ giá trị bằng bốn đến năm triệu bạc, còn người Trung Quốc chở trong thuyền của họ rất nhiều thứ lụa mịn và nhiều thứ hàng hóa khác của xứ họ”[[10]](#footnote-10).

Ngoài việc đến đây buôn bán, người Nhật còn là môi giới, phiên dịch cho các lái buôn nước khác trong dịch vụ thương mại người Việt. Tuy nhiên, từ giữa thế kỷ XVII, do chính sách “tỏa quốc” của chính quyền Mạc Phủ, vai trò của thương nhân Nhật Bản ở Hội An giảm dần, nhường chỗ cho thương nhân người Hoa.

Sự thịnh đạt của thương cảng Hội An không chỉ là do có vị trí địa lý thuận lợi mà còn là sự phong phú của các nguồn tài nguyên khoáng sản như kim loại và trữ lượng lâm sản. Ngoài ra, vùng núi còn là nơi sinh sống của voi, tê giác. Ngà voi và sừng tê là những sản phẩm quý hiếm ở đây. Khu vực phụ cận Hội An cũng có những sản phẩm như đường phèn, hồ tiêu đặc biệt là yến sào. Hội An thật sự là nơi tập trung các đặc sản quý hiếm được thương nhân nhiều nước thèm muốn[[11]](#footnote-11).

Như vậy, Hội An là một đô thị, thương cảng có vai trò kinh tế quan trọng ở Đàng Trong vào những thế kỷ XVI - XVIII. Cùng theo đó, sự xuất hiện của các thương thuyền của các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật Bản…thời kỳ này đã thể hiện tính đa dạng trong bản sắc thương cảng quốc tế ở vùng biển Đông Nam Á trong các thế kỷ XVI-XVIII.

 **2. Đánh giá vai trò của phố cảng Thanh Hà – Bao Vinh và gợi mở một vài giải pháp bảo tồn giai đoạn hiện nay**

*Như vậy,* trong mối tương quan, thì Thanh Hà – Bao Vinh cũng có vị trí rất quan trọng trong hoạt động thương mại của Đàng Trong không kém gì Hội An: “Phố Hội An xứ Quảng Nam, tàu Tây thường đem nồi đồng, mâm đồng đến bán hàng vạn chiếc. Người Tàu buôn về phố Thanh Hà luôn bán thường lãi gấp đôi”[[12]](#footnote-12).

 Hội An là trung tâm phân phối hàng hoá của Đàng Trong thì Thanh Hà còn là trung tâm trao đổi hàng hoá, vì thường thì thương nhân Thanh Nghệ, Sơn Nam cũng vận chuyển hàng hoá bằng đường thuỷ vào Thanh Hà để trao đổi. Hàng hoá từ Thanh Hoá, Ai Lao cũng đưa bằng đường bộ vào phiên Cam Lộ và được thương nhân vận chuyển vào bán ở Thanh Hà. Hàng nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng cung cấp cho nhà nước gồm kim loại như đồ đồng, kẽm, hợp kim do thương khách từ Nhật Bản, Trung Quốc chở đến. Chỉ trong vòng 2 năm mà thuyền Macao chở đến Thanh Hà 15 vạn cân hợp kim có kẽm để đúc tiền.

 Người Hà Lan và các tàu phương Tây khác mang nhiều thứ ngọc quý đến bán ở Thanh Hà. Người Anh mang các mặt hàng len, dạ đến bán. Người Trung Quốc mang các mặt hàng cao cấp như lụa, gấm vóc, len dạ, đồ sứ, đồ sành, giấy, tranh, tre, chè… các dược liệu như sa hoàng, mộc hương, hoàng liên, nhân sâm[[13]](#footnote-13).

 Sự thịnh vượng của Bao Vinh chủ yếu là nhờ cảng sông: “các loại thuyền kiểu dáng hoàn toàn An Nam với thuỷ thủ đoàn Bắc Ký, hay An Nam (tức Trung Kỳ) tuỳ theo chủ thuyền là Nam Định chở đến các chuyến hàng đủ thứ: tơ lụa Nam Định, bàn ghế chạm trỗ hoặc cẩn xà cừ Bắc Kỹ hay được nhập từ Trung Hoa và Nhật Bản. Từ Phan Rí, Quy Nhơn hay Đà Nẵng ra, thuyền chở theo muối, đồ gốm đủ cỡ, đủ loại và các thứ hàng để trao đổi, thông thương như gạo, đậu phụng, vừng, trái dừa, cây dừa, tiêu và thuốc lá. Tất cả các thuyền ấy khi rời Bao Vinh đều chở đầy hàng hoá để đưa về Trung Hoa và Hồng Kông qua cảng Hải Phòng và Đà Nẵng[[14]](#footnote-14).

 So với Hội An, Thanh Hà – Bao Vinh là nơi thu gom và trung chuyển hàng hoá, kiểu xây nhà và cách bài trí các gian hàng mang bản sắc tương đồng với Hội An, có sự pha trộn giữa phố Hoa, phố Nhật và một vài nét của phương Tây. Thanh Hà và Bao Vinh đã đi vào lịch sử thương mại Việt Nam như một điểm nhấn sáng chói trong tiến trình mở cửa buôn bán với các nước bên ngoài của Đàng Trong trong gần ba thế kỷ (XVI – XIX). Ngày nay, các ngôi nhà cổ của hai khu phố vẫn còn đó như một minh chứng của một thời son vàng, những chủ nhân của những ngôi nhà ấy vẫn quyết giữ những nét văn hoá và lưu giữ lịch sử cùng thời gian. Vì vậy, công tác bảo tồn cần được quan tâm hơn nữa, bởi lẽ, trong đối sánh, Thanh Ha – Bao Vinh cũng là trung tâm vận chuyển hàng hoá như Hội An trong tiến trình lịch sử.

*Gợi mở một vài giải pháp bảo tồn*

Rà soát, đánh giá lại việc tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng bảo tồn và phát huy đô thị cổ Bao Vinh, tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng, tập trung ưu tiên các chương trình, dự án trong khu vực bảo tồn phố cổ Bao Vinh, các dự án tôn tạo, phục hồi các công trình kiến trúc cổ, có giá trị văn hóa – lịch sử, các dự án tạo cảnh quan, môi trường đô thị hài hòa với không gian phố cổ.

Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện quy hoạch có hiệu quả, thu hút đầu tư thực hiện các dự án dịch vụ du lịch có hiệu quả, đảm bảo yếu tố bền vững trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa – lịch sử của di sản phố cổ Bao Vinh.

Tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng, hiện trạng về kinh tế - xã hội, văn hóa – lịch sử làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và triển khai các dự án; xây dựng Đề án bảo tồn, phát huy và thực hiện trùng tu, phục hồi giá trị nhà cổ Bao Vinh, tôn tạo một số công trình kiến trúc cổ, có giá trị văn hóa – lịch sử, ưu tiên khu vực dọc trục đường Bao Vinh, các công trình xuống cấp nghiêm trọng;

 Triển khai lập một số dự án chỉnh trang hạ tầng khu vực phố cổ và hình thành một số tiện ích đô thị như bãi đỗ xe, nhà vệ sinh nhằm bước đầu tạo lập được không gian kiến trúc, cảnh quan phố cổ.

Xúc tiến quảng bá du lịch và triển khai mô hình phát triển du lịch cộng đồng trên nền tảng bảo tồn giá trị phố cổ Bao Vinh; khôi phục, phát huy các ngành nghề truyền thống.

Tổ chức phổ biến, công khai các thông tin về chủ trương, kế hoạch thực hiện Quy hoạch xây dựng bảo tồn và phát huy đô thị cổ Bao Vinh đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa nhân dân với chính quyền địa phương; đồng thời nâng cao ý thức người dân và làm cho người dân cùng tham gia, hưởng ứng việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản, bảo vệ môi trường cảnh quan.

Phổ biến sâu rộng, vận động nhân dân tự giác, tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự; nâng cao tuyên truyền, phát động người dân cùng chung tay xây dựng khu phố cổ “sáng, xanh, sạch, đẹp”.

*Phát triển dịch vụ du lịch:*

- Xúc tiến, triển khai mô hình phát triển du lịch cộng đồng trên nền tảng bảo tồn giá trị phố cổ Bao Vinh. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân, các nhà chuyên môn để đưa ra các ý tưởng phù hợp nhằm đảm bảo triển khai các dự án du lịch có hiệu quả, đảm bảo yếu tố bền vững trên cơ sở bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

- Xây dựng phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, phương án cho thuê, đấu giá điểm kinh doanh đối chợ Bao Vinh theo định hướng phục vụ dịch vụ du lịch (chợ ẩm thực, kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm truyền thống...).

- Khôi phục, phát huy các ngành nghề truyền thống như nghề rèn thủ công, đông y và các nghề thủ công truyền thống khác.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo về du lịch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch. Tổ chức tập huấn, tham quan, hướng dẫn người dân làm du lịch cộng đồng, đào tạo thiết kế, sản xuất các sản phẩm thủ công nhằm vừa phục vụ du lịch, vừa phục vụ cho công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phố cổ.

*Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường:*

- Thường xuyên thực hiện việc tuyên truyền, phát động người dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường bằng các hoạt động ngày chủ nhật xanh, xây dựng địa phương “sáng, xanh, sạch, đẹp”; nhặt một cọng rác để cho Huế ngày càng đẹp hơn, không sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần.

- Xử lý tình trạng ô nhiễm trên sông Hương do các hộ dân ở phía bờ sông thải ra, đặc biệt là hỗ trợ người dân lắp đặt bể phốt xử lý nhà vệ sinh “cầu tỏm”.

- Quán triệt, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý và có chế tài để các hộ dân không được xả chất thải xuống sông Hương.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động “Ngày chủ nhật xanh” dọn vệ sinh, thu gom rác thải trên tuyến Bao Vinh và các ngõ, xóm; lập lại trật tự , khắc phục tình trạng lấn chiếm đảm bảo bảo vệ môi trường cảnh quan và xây dựng “khu phố cổ sáng, xanh, sạch, đẹp”.

*Tóm lại*, Thanh Hà – Bao Vinh là khu phố cảng trước đây và là khu phố cổ giai đoạn hiện tại của Huế, đánh dấu một thời vàng son trong lịch sử ngoại thương Việt Nam trong hành trình tiến về phương Nam của chúa Nguyễn. Sự thịnh đạt của những khu phố cổ dọc ven biển và ven sông đã đưa thương mại Việt Nam kết nối với khu vực (Nội Á) và toàn cầu (các nước châu Âu). Việc trùng tu, tôn tạo để thu hút khách du lịch, gìn giữ những giá trị văn hoá trong quá trình bang giao của cha ông, cũng như góp phần nâng cao đời sống của những con người vẫn thầm lặng lưu giữ những di tích lịch sử giá trị của thành phố là điều rất cần thiết.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Bang (1996), *Phố cảng vùng Thuận-Quảng*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Đỗ Bang (2014), *Đô thị Thừa Thiên Huế - Tiến trình phá triển và giải pháp quy hoạch*, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Trương Minh Dục (2001), “Chính sách ngoại thương Đàng Trong”, *Tạp chí nghiên cứu Kinh tế*, (274), tr. 51-59.
4. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học, Hà Nội, tr. 358.
5. Đào Thị Hải Lý (2010), *Quan hệ thương mại Đàng Trong với Trung Quốc và Nhật Bản*, Luận văn Thạc sĩ Đại học Khoa học Huế.
6. Vũ Duy Mền (2002), “Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế,* (292), tr. 60-68.
7. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
8. Thành Thế Vỹ (1961), Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX, Nxb Sử học.

**PHỤ LỤC ẢNH VỀ THANH HÀ - BAO VINH**

*(Ảnh do tác giả chụp)*

*Chú thích ảnh:*

1. Ảnh một ngôi chùa phía Bắc của phố cổ Bao Vinh
2. Quán cà-phê Mắt Biếc
3. Một ngôi nhà cổ còn nguyên vẹn
4. Ngôi chợ cổ Bao Vinh
5. Hai con đường vuông góc mang tên Thanh Hà – Bao Vinh
1. . Tiến sĩ, giảng viên Khoa Lịch sử - Đại học Khoa học – Đại học Huế [↑](#footnote-ref-1)
2. . Trương Minh Dục (2001), “Chính sách ngoại thương Đàng Trong”, *Tạp chí nghiên cứu Kinh tế*, (274), tr. 54. [↑](#footnote-ref-2)
3. . Đỗ Bang (1996), *Phố cảng vùng Thuận-Quảng*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 119. [↑](#footnote-ref-3)
4. . Đỗ Bang (1996), *Phố cảng vùng Thuận-Quảng*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 119. [↑](#footnote-ref-4)
5. . Đỗ Bang (2014), *Đô thị Thừa Thiên Huế - Tiến trình phá triển và giải pháp quy hoạch*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 152. [↑](#footnote-ref-5)
6. . Vũ Duy Mền (2002), “Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, (292), tr. 64. [↑](#footnote-ref-6)
7. . Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Trẻ, Hà Nội, tr. 107. [↑](#footnote-ref-7)
8. . Đào Thị Hải Lý (2010), *Quan hệ thương mại Đàng Trong với Trung Quốc và Nhật Bản*, Luận văn Thạc sĩ Đại học Khoa học Huế, tr. 119. [↑](#footnote-ref-8)
9. . Thành Thế Vỹ (1961), *Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX*, Nxb Sử học, tr. 70. [↑](#footnote-ref-9)
10. . Kikuchi Seiichi (2010), *Nghiên cứu Đô thị cổ Hội An*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 94. [↑](#footnote-ref-10)
11. . Kikuchi Seiichi (2010), *Nghiên cứu Đô thị cổ Hội An*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 94. [↑](#footnote-ref-11)
12. . Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học, Hà Nội, tr. 358. [↑](#footnote-ref-12)
13. . Dẫn theo Đỗ Bang (2014), *Đô thị Thừa Thiên Huế - Tiến trình phá triển và giải pháp quy hoạch*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 156. [↑](#footnote-ref-13)
14. . Dẫn theo Đỗ Bang (2014), *Đô thị Thừa Thiên Huế - Tiến trình phá triển và giải pháp quy hoạch*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 159. [↑](#footnote-ref-14)